

CÔNG ĐOÀN XÂY DỰNG VIỆT NAM
HỘI THI ATVSV GIỎI TOÀN QUỐC NGÀNH XÂY DỰNG NĂM 2014

PHẦN THI LÝ THUYẾT

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VÀ ĐÁP ÁN VỀ KỸ THUẬT ATVSLĐ
(phần gạch chân là câu trả lời đúng)

Câu 1: Hãy nêu các yếu tố nguy hiểm có nguy cơ gây tai nạn lao động trong sản xuất:

a. Những hóa chất độc; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ vật lý; nổ hoá học; những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại; bức xạ và phóng xạ.

b. Vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; các bộ phận truyền động và chuyển động; nguồn nhiệt; nguồn điện; nổ.

c. Những vật văng bắn; vật rơi, đổ, sập; tiếng ồn và rung sóc; bức xạ và phóng xạ; những yếu tố vi khí hậu xấu.

d. Vật văng bắn; bức xạ và phóng xạ; vật rơi, đổ, sập; những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại.

Câu 2: Hãy nêu các biện pháp cơ bản về kỹ thuật an toàn nhằm đảm bảo an toàn và phòng ngừa tai nạn lao động:

a. Thiết bị che chắn; thiết bị bảo hiểm phòng ngừa.; Khoảng cách an toàn; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

b. Cơ cấu điều khiển, phanh hãm, điều khiển từ xa; Tín hiệu, báo hiệu.

c. Thiết bị an toàn riêng biệt; Phòng cháy, chữa cháy.

d. Cả a, b và c.

Câu 3: Hãy nêu mục đích việc sử dụng cơ cấu phanh hãm nhằm đảm bảo an toàn và phòng tránh tai nạn lao động:

a. Nhằm cách ly vùng nguy hiểm và người lao động; ngăn ngừa người lao động rơi, tụt, ngã hoặc vật rơi, văng bắn vào người lao động.

b. Nhằm chủ động điều khiển vận tốc chuyển động của phương tiện, bộ phận theo ý muốn của người lao động.

c. Nhằm tự động loại trừ khả năng gây ra tai nạn lao động một khi người lao động vi phạm quy trình trong vận hành, thao tác.

d. Nhằm chủ động ngừng chuyển động của phương tiện, bộ phận theo ý muốn của người lao động.

Câu 4: Hãy nêu mục đích việc sử dụng thiết bị che chắn để đảm bảo an toàn và

phòng tránh tai nạn lao động:

a. Cách ly vùng nguy hiểm và người lao động; ngăn ngừa người lao động rơi, tụt, ngã hoặc vật rơi, văng bắn vào người lao động.

b. Ngăn chặn tác động xấu do sự cố của quá trình sản xuất gây ra, giảm thiểu nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

c. Nhằm chủ động ngăn ngừa người lao động vi phạm khoảng cách an toàn đối với vùng nguy hiểm.

d. Nhằm tự động loại trừ khả năng gây ra tai nạn một khi người lao động vi phạm quy trình trong vận hành, thao tác.

Câu 5: Những yếu tố có hại nào dưới đây có nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp trong lao động, sản xuất?

a. Các yếu tố vi khí hậu xấu; chiếu sáng không hợp lý; tiếng ồn và rung sóc; các loại bụi.

b. Bức xạ và phóng xạ; các hóa chất độc; vi sinh vật có hại; các yếu tố về cường độ lao động, tư thế lao động không hợp lý.

c. Những hóa chất độc; nổ vật lý; nổ hoá học; vật rơi, đổ, sập; những yếu tố vi khí hậu xấu; vi sinh vật có hại; chiếu sáng không hợp lý; tiếng ồn và rung sóc.

d. Cả a và b.

Câu 6: Về mặt tổ chức/ kỹ thuật, các yếu tố nào sau đây có thể gây mất an toàn trong quá trình sản xuất:

a. Địa điểm không gian, mặt bằng sản xuất chật hẹp; máy, thiết bị lắp đặt không đảm bảo quy phạm an toàn, không đúng kỹ thuật.

b. Máy, thiết bị bố trí không hợp lý; người lao động để bữa bãi, không sắp xếp gọn gàng, phù hợp tầm với.

c. Máy, thiết bị, phương tiện làm việc... không phù hợp với nhân trắc người lao động; phương tiện, dụng cụ phục vụ sản xuất thiếu hoặc kém chất lượng.

d. Cả a, b và c.

Câu 7: Hãy nêu các biện pháp cơ bản nhằm khắc phục điều kiện vi khí hậu xấu trong lao động sản xuất:

a. Cơ giới hóa, tự động hóa; bố trí mặt bằng nhà xưởng, đường đi lại và vận chuyển...; sắp xếp nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm... hợp lý đảm bảo sự di chuyển dễ dàng của các loại máy móc, phương tiện.

b. Biện pháp giảm bức xạ, áp dụng thông gió và điều hòa không khí; làm lạnh để chống gió lạnh, che nắng, che mưa khi làm việc ngoài trời.

c. Áp dụng thông gió và điều hòa không khí; vệ sinh nơi làm việc, bảo đảm diện tích nơi làm việc, khoảng cách không gian cần thiết cho mỗi người lao động.

d. Áp dụng thông gió và điều hòa không khí; trang bị đầy đủ các phương tiện

bảo vệ cá nhân; làm lán để chống lạnh, che nắng, che mưa khi làm việc ngoài trời.

Câu 8: Hãy nêu các biện pháp cơ bản để chống bụi trong lao động sản xuất:

a. Áp dụng các biện pháp cách ly, triệt tiêu tiếng ồn, rung sóc hoặc các biện pháp giảm tiếng ồn lan truyền, trồng cây xanh. Sử dụng đầy đủ các trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

b. Áp dụng các biện pháp làm giảm phát sinh bụi từ nguồn gây bụi; phun nước (dang sương) làm giảm lượng bụi trong không khí; dùng các thiết bị hút bụi; tăng cường vệ sinh công nghiệp. Sử dụng đầy đủ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

c. Áp dụng các biện pháp làm giảm phát sinh bụi đầu nguồn gây bụi; phun nước làm giảm lượng bụi trong không khí; dùng các thiết bị hút bụi; tăng cường vệ sinh công nghiệp.

d. Phun nước làm giảm lượng bụi trong không khí; dùng các thiết bị hút bụi; tăng cường vệ sinh công nghiệp, đặc biệt là quan tâm đến các bụi dễ gây ra cháy nổ

Câu 9: Hãy nêu các biện pháp cơ bản để chống ồn và rung trong lao động sản xuất:

a. Cơ giới hóa, tự động hóa; áp dụng thông gió và điều hòa không khí; trang bị đầy đủ các phương tiện **bảo vệ** cá nhân;

b. Đảm bảo khoảng cách quy định từ nguồn ồn đến nơi người lao động làm việc, giảm ngay tiếng ồn từ nguồn gây ồn và sử dụng đầy đủ các phương tiện, bảo vệ cá nhân.

c. Xử lý chất thải và nước thải; tổ chức thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; áp dụng các biện pháp chăm sóc sức khỏe người lao động, bồi dưỡng, điều dưỡng...phục hồi sức khỏe.

d. Đảm bảo khoảng cách quy định từ nguồn ồn đến nơi người lao động làm việc, giảm ngay tiếng ồn từ nguồn gây ồn, áp dụng các biện pháp cách ly, triệt tiêu tiếng ồn, rung hoặc các biện pháp giảm tiếng ồn lan truyền, trồng cây xanh.....

Câu 10: Hãy nêu một số biện pháp tổ chức sản xuất, tổ chức lao động **đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp:**

a. Bố trí mặt bằng nhà xưởng, đường đi lại và vận chuyển...; sắp xếp nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm... hợp lý.

b. Vệ sinh nơi làm việc, cần bảo đảm diện tích nơi làm việc, khoảng cách không gian cần thiết cho mỗi người lao động.

c. Xử lý chất thải và nước thải; tổ chức thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; chăm sóc sức khỏe người lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng, điều dưỡng.

d. Cả a, b và c.

Câu 11: Hãy nêu **các yếu tố liên quan, chi phối nhiều đến tâm lý, sinh lý **người lao động** trong lao động sản xuất:**

a. Tổ chức thời giờ làm việc và nghỉ ngơi; chăm sóc sức khỏe người lao động,

thực hiện chế độ bồi dưỡng, điều dưỡng... Sử dụng đúng và đầy đủ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân.

b. Máy móc thiết bị phải phù hợp với cơ thể của người lao động, không đòi hỏi người lao động làm việc quá căng thẳng, nhịp độ quá khẩn trương và thực hiện những thao tác gò bó kéo dài.

c. Máy móc thiết bị phải phù hợp với cơ thể của người lao động, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác, gắn bó với công việc, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

d. Cả a và c.

Câu 12: Trong các nguyên nhân dưới đây, nguyên nhân trực tiếp nào có thể gây tai nạn lao động:

a. Công nhân thiếu kiến thức, tay nghề kém nên không làm đúng kỹ thuật, vi phạm các quy định về kỹ thuật an toàn.

b. Công nhân không chấp hành kỷ luật lao động, làm việc không có phiếu công tác, phiếu thao tác; không có sự phân công, làm không đúng chức năng, nhiệm vụ, làm việc không có người giám sát.

c. Đơn vị bố trí khối lượng công tác chưa hợp lý, chưa tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác, gắn bó với công việc, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

d. Cả a và b.

Câu 13: Trong các nguyên nhân dưới đây, nguyên nhân trực tiếp nào có thể gây tai nạn lao động:

a. Người chỉ huy trực tiếp (hoặc giám sát an toàn) không làm tròn chức năng nhiệm vụ.

b. Tổ trưởng, Điều độ, cán bộ kỹ thuật... không nắm vững hiện trường khi viết phiếu công tác, phiếu thao tác để đề ra các biện pháp an toàn cụ thể, đầy đủ.

c. Công nhân, đặc biệt là người chỉ huy trực tiếp (hoặc người giám sát an toàn) không kiểm tra, quan sát kỹ hiện trường trước khi công tác, **vì vậy không** kịp thời phát hiện các trường hợp bất thường, nguy hiểm, nên **viết phiếu** công tác, phiếu thao tác không phù hợp .

d. Cả a, b và c.

Câu 14: Trong các nguyên nhân dưới đây, nguyên nhân nào trực tiếp gây tai nạn lao động:

a. Công nhân không chấp hành kỷ luật lao động, làm việc không có phiếu công tác, phiếu thao tác, không có sự phân công, làm không đúng chức năng, nhiệm vụ, làm việc không có người giám sát.

b. Công nhân nôn nóng, vội vàng, làm nhanh để đi về sớm hoặc làm việc khác.

c. Công nhân mệt mỏi do làm quá sức, làm không nghỉ giải lao, không nghỉ trưa, ra hiện trường trễ. Hoặc do công nhân có sức khỏe yếu, trạng thái tâm tư không ổn

định.

d. Cả a, b và c.

Câu 15: Người công nhân có quyền từ chối không thực hiện công việc trong những trường hợp nào:

a. Khi thấy các biện pháp an toàn ghi trong phiếu công tác, phiếu thao tác không đầy đủ.

b. Khi hiện trường công tác không đảm bảo an toàn, hoặc không đúng như ghi trong phiếu công tác, phiếu thao tác.

c. Trong mọi trường hợp người công nhân đều không có quyền từ chối thực hiện công việc; ngoại trừ khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền cho phép không thực hiện công việc đó.

d. Cả a và b đúng.

Câu 16: Trong quá trình làm việc, nếu phát hiện thấy các hiện tượng bất thường có nguy cơ xảy ra mất an toàn, người công nhân phải xử lý như thế nào:

a. Tiếp tục tiến hành công việc và báo cáo với cấp có thẩm quyền để xin ý kiến giải quyết.

b. Dừng ngay công việc để tự tiến hành xử lý các hiện tượng bất thường, giảm thiểu nguy cơ mất an toàn cho bản thân và cho nhân viên đơn vị công tác.

c. Dừng ngay công việc và báo cáo với người phụ trách trực tiếp để xin ý kiến giải quyết.

d. Dừng ngay công việc và báo cáo với người Lãnh đạo công việc về sự cố mất an toàn để có biện pháp xử lý.

Câu 17: Hãy nêu các yêu cầu khi sử dụng thiết bị che chắn để phòng chống tai nạn lao động:

a. Ngăn ngừa được tác động xấu do bộ phận của thiết bị sản xuất gây ra, dễ dàng tháo, lắp, sửa chữa khi cần thiết.

b. **Thiết bị** được lắp đặt cố định trong mọi trường hợp để che chắn phòng chống vật văng bắn, vật rơi đổ sập có thể gây tai nạn lao động.

c. Không gây trở ngại cho thao tác của người lao động; không ảnh hưởng đến năng suất lao động, công suất của thiết bị.

d. Cả a và c.

Câu 18: Các thiết bị không chế độ cao nâng tải, góc nghiêng cần cẩu và cầu chì, rơ le nhiệt, áp/tô/mát, máy cắt là **loại để dùng cho thiết bị:**

a. Thiết bị phòng ngừa quá tải điện và thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục, cổng trục.

b. Thiết bị phòng ngừa quá tải thiết bị áp lực và thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục, cổng trục.

c. Thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục, công trục và thiết bị phòng ngừa quá tải điện.

d. Thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục và phòng ngừa cháy, nổ.

Câu 19: Các thiết bị không chế độ cao nâng tải, góc nghiêng cần cẩu và đầu cảm ứng báo khói, báo nhiệt độ, là loại để dùng cho thiết bị:

a. Thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục và thiết bị phòng ngừa cháy, nổ.

b. Thiết bị phòng ngừa cháy, nổ và thiết bị phòng ngừa quá tải thiết bị áp lực.

c. Thiết bị phòng ngừa quá tải thiết bị áp lực và thiết bị phòng ngừa quá tải điện.

d. Thiết bị phòng ngừa quá tải điện và thiết bị phòng ngừa sự cố cần trục.

Câu 20: Hãy nêu các hình thức phân loại các thiết bị tín hiệu, báo hiệu được áp dụng để phòng ngừa tai nạn lao động:

a. Tín hiệu ánh sáng; tín hiệu màu sắc; tín hiệu âm thanh và dấu hiệu an toàn.

b. Dấu hiệu an toàn; dấu hiệu nguy hiểm; tín hiệu ánh sáng; tín hiệu âm thanh; cảnh báo an toàn.

c. Tín hiệu màu sắc; tín hiệu bằng còi, chuông.

d. Cả b và c.

Câu 21: Hãy nêu định nghĩa về tín hiệu, báo hiệu:

a. Là phương tiện báo cho người lao động biết trước các yếu tố có hại và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố có hại sức khỏe người lao động.

b. Là phương tiện báo cho người lao động biết trước mọi nguy hiểm và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm.

c. Là phương tiện báo cho người lao động biết trước mọi nguy hiểm để ngăn ngừa tai nạn lao động.

d. Cả a và b.

Câu 22: Hãy nêu mục đích của việc sử dụng tín hiệu màu sắc trong việc phòng tránh tai nạn lao động:

a. Dùng để báo hiệu cho mọi người biết các mối nguy hiểm cũng như biết tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị.

b. Hướng dẫn quy trình vận hành, thao tác và sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất cho người lao động.

c. Giúp người lao động phân biệt được công dụng của các chi tiết, bộ phận trong hệ thống điều khiển, các loại đường ống công nghệ, các loại chai chứa khí, các dây dẫn trong hệ thống điện...

d. Cả a, b và c.

Câu 23: Hãy nêu mục đích của việc sử dụng tín hiệu âm thanh trong việc phòng

tránh tai nạn lao động:

a. Dùng để báo hiệu cho người lao động biết các mối nguy hiểm cũng như biết tình trạng hoạt động của máy móc, thiết bị khi mở máy hay khi gặp sự cố...

b. Giúp người lao động phân biệt được tình trạng của các chi tiết, bộ phận trong hệ thống điều khiển, các loại đường ống công nghệ, các loại chai chứa khí, các dây dẫn trong hệ thống điện...

c. Hướng dẫn quy trình vận hành, thao tác và sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất cho người lao động.

d. Cả a và c.

Câu 24: Hãy nêu khái niệm khoảng cách an toàn để phòng tránh tai nạn lao động:

a. Là khoảng không gian lớn nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị, hoặc khoảng cách lớn nhất giữa phương tiện, thiết bị với nhau để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

b. Là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị, hoặc khoảng cách nhỏ nhất giữa phương tiện, thiết bị với nhau để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

c. Là khoảng cách để báo cho người lao động biết trước mối nguy hiểm và hướng dẫn biện pháp thực hiện để tránh bị ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm.

d. Là khoảng không gian nhỏ nhất giữa người lao động và các loại phương tiện, thiết bị để không bị tác động xấu của các yếu tố sản xuất.

Câu 25: Hãy nêu tác dụng của việc sử dụng cơ cấu điều khiển từ xa nhằm phòng tránh TNLD:

a. Để điều khiển thiết bị, máy móc theo ý muốn của người lao động và không nằm gần vùng nguy hiểm, để phân biệt, phù hợp với người lao động tạo điều kiện thao tác thuận lợi, điều khiển chính xác nên tránh được tai nạn lao động.

b. Để chủ động điều khiển vận tốc chuyển động của phương tiện, bộ phận theo ý muốn của người lao động loại trừ khả năng gây ra tai nạn lao động khi người lao động điều khiển phương tiện, máy móc quá tốc độ cho phép.

c. Để tự động loại trừ khả năng gây ra tai nạn lao động khi người lao động vi phạm quy trình trong vận hành, thao tác.

d. Cả a, b và c.

Câu 26: Hãy phân biệt tác dụng của việc sử dụng các cơ cấu phanh hãm và điều khiển từ xa nhằm phòng tránh tai nạn lao động :

a. Cơ cấu phanh hãm nhằm làm giảm vận tốc chuyển động của phương tiện, bộ phận theo ý muốn của người lao động. Điều khiển từ xa nhằm tự động loại trừ khả năng gây ra tai nạn lao động khi người lao động vi phạm quy trình trong vận hành, thao tác.

b. Cơ cấu phanh hãm nhằm tự động loại trừ khả năng gây ra tai nạn lao động khi người lao động vi phạm quy trình trong vận hành, thao tác. Điều khiển từ xa nhằm tiến

hành quá trình cơ khí hóa và tự động hóa trong lao động sản xuất.

c. Cơ cấu phanh hãm nhằm chủ động điều khiển vận tốc chuyển động của phương tiện, bộ phận theo ý muốn của người lao động. Điều khiển từ xa nhằm đưa người lao động ra khỏi vùng nguy hiểm, đồng thời giảm nhẹ điều kiện lao động nặng nhọc.

d. Cả b và c.

Câu 27: Về mặt kỹ thuật an toàn, một quá trình tự động hóa phải đảm bảo các yêu cầu:

a. Các bộ phận truyền động đều phải được bao che thích hợp; đầy đủ thiết bị bảo hiểm, khóa liên động.

b. Đầy đủ hệ thống tín hiệu, báo hiệu đối với tất cả các trường hợp sự cố; có thể điều khiển riêng từng máy, từng bộ phận và có thể dừng máy theo yêu cầu, có các cơ cấu tự động kiểm tra.

c. Không phải bảo dưỡng, sửa chữa khi máy đang chạy; đảm bảo các yêu cầu về KTAT có liên quan như về điện, thiết bị chịu áp lực, nối đất an toàn các thiết bị điện; bảo đảm thao tác chính xác, liên tục.

d. Cả a, b và c.

Câu 28: Về mặt kỹ thuật an toàn, quá trình tự động hóa phải đảm bảo yêu cầu nào:

a. Các bộ phận truyền động đều phải được bao che thích hợp và đầy đủ thiết bị bảo hiểm, khóa liên động.

b. Không phải bảo dưỡng, sửa chữa khi máy đang chạy, không có các cơ cấu tự động kiểm tra,

c. Không thể điều khiển riêng từng máy, từng bộ phận trong quá trình sản xuất.

d. Cả a và b.

Câu 29: Về mặt kỹ thuật an toàn, quá trình tự động hóa phải đảm bảo yêu cầu nào:

a. Tất cả các bộ phận máy móc, thiết bị đều phải được bao che chống bụi.

b. Đầy đủ hệ thống tín hiệu, báo hiệu đối với tất cả các trường hợp sự cố.

c. Đảm bảo các yêu cầu về KTAT có liên quan như về điện, thiết bị chịu áp lực, nối đất an toàn các thiết bị điện.

d. Cả b và c.

Câu 30: Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân (PTBVCCN) gồm các loại nào sau đây:

a. Trang bị bảo vệ mắt; trang bị bảo vệ cơ quan hô hấp; trang bị bảo vệ cơ quan thính giác; trang bị phương tiện bảo vệ đầu; quần áo bảo hộ lao động.

b. Quần áo bảo hộ lao động; các loại phương tiện bảo vệ cá nhân khác như:

phương tiện chống ngã cao, chống điện giật; trang bị bảo vệ mắt; trang bị bảo vệ cơ quan hô hấp; trang bị bảo vệ cơ quan thính giác; các dụng cụ chuyên dùng cầm tay.

c. Trang bị phương tiện bảo vệ chân và tay; các loại phương tiện bảo vệ cá nhân khác như: phương tiện chống ngã cao, chống điện giật...

d. Cả a và c.

Câu 31: Phân loại trang bị phương tiện bảo vệ mắt gồm các loại nào sau đây:

a. Loại bảo vệ mắt khỏi bị tổn thương do vật rắn bắn vào, khỏi bị bỏng và loại bảo vệ mắt khỏi bị tổn thương bởi các tia năng lượng.

b. Loại bảo vệ tránh các loại hơi, khí độc bay vào mắt và loại bảo vệ mắt khỏi bị tổn thương do vật rắn bắn vào, khỏi bị bỏng.

c. Loại bảo vệ tránh các loại hơi, khí độc bay vào mắt và loại bảo vệ chống bức xạ của ánh nắng mặt trời.

d. Cả a, b và c.

Câu 32: Hãy nêu tác dụng của trang bị bảo vệ cơ quan hô hấp:

a. Nhằm phòng tránh các loại vi sinh vật có hại cho sức khỏe thâm nhập vào cơ quan hô hấp.

b. Nhằm phòng tránh các loại hơi, khí độc, các loại bụi thâm nhập vào cơ quan hô hấp.

c. Nhằm phòng tránh các loại hơi, khí quá nóng hoặc quá lạnh thâm nhập vào cơ quan hô hấp.

d. Cả a, b và c.

Câu 33: Hãy nêu tác dụng của trang bị bảo vệ cơ quan thính giác:

a. Nhằm bảo vệ vành tai khỏi chấn thương khi xảy ra té, ngã.

b. Nhằm phòng tránh các loại vi khuẩn, vi trùng xâm nhập vào cơ quan thính giác có nguy cơ gây điếc.

c. Nhằm ngăn ngừa tiếng ồn tác động xấu đến cơ quan thính giác của người lao động.

d. Cả a và c.

Câu 34: Hãy nêu tác dụng của quần áo bảo hộ lao động:

a. Bảo vệ thân thể người lao động khỏi tác động của nhiệt, tia năng lượng.

b. Bảo vệ thân thể người lao động khỏi tác động hóa chất, kim loại nóng chảy bắn vào, vật văng bắn.

c. Bảo vệ **các yếu tố có hại đối với cơ thể người lao động**

d. Cả a và b.

Câu 35: Tổ chức nơi làm việc hợp lý, **bảo đảm an toàn vệ sinh lao động phải đảm bảo yêu cầu nào sau đây:**

a. Bố trí máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu... phải khoa học, phù hợp với **dây chuyền sản xuất và** trình tự gia công, **thuận tiện cho việc** vận chuyển và đi lại của người lao động.

b. Nơi làm việc phải có nội quy, quy trình làm việc an toàn; **có** hướng dẫn thao tác, điều khiển, sử dụng máy theo đúng quy định.

c. Trang bị đầy đủ sơ đồ bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy và các bình chữa cháy xách tay, xe đẩy chữa cháy theo phương án PCCC đã được cấp có thẩm quyền duyệt.

d. Cả a và b.

Câu 36: Hãy nêu biện pháp chung nhằm cải thiện điều kiện làm việc ở tư thế làm việc bắt buộc:

a. Bố trí phụ nữ có thai làm việc ở tư thế lao động bắt buộc.

b. Nguyên liệu, dụng cụ phục vụ cho sản xuất phải sắp xếp gọn gàng, đặt trong tầm tay với.

c. Định kỳ tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và các phương pháp cứu chữa người bị điện giật.

d. Cả b và c.

Câu 37: Hãy nêu biện pháp chung nhằm cải thiện điều kiện lao động cho người lao động phải làm việc ở tư thế làm việc bắt buộc:

a. Tổ chức lao động hợp lý, nghỉ giải lao giữa giờ, tập thể dục thích hợp để ngăn ngừa ảnh hưởng của mỗi loại tư thế.

b. Nguyên liệu, dụng cụ phục vụ cho sản xuất phải sắp xếp gọn gàng, đặt trong tầm tay với.

c. Cơ giới hóa, tự động hóa các nghề, công việc phải đứng hoặc ngồi làm việc ở tư thế bắt buộc.

d. Cả a, b và c.

Câu 38: Hãy nêu các biện pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động khi phải làm việc ở tư thế đứng:

a. Sắp xếp công việc để có thể thay thế giữa ngồi và đứng; tránh làm việc phải cúi lưng nhiều.

b. Độ cao làm việc bảo đảm lưng thẳng và hai vai thả lỏng; công việc làm với tay ở vị trí tự nhiên, gần cơ thể.

c. Vị trí đứng phải thoải mái; vị trí thao tác nên thấp hơn vai.

d. Cả a, b và c.

Câu 39: Hãy nêu các biện pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động khi phải làm việc ở tư thế ngồi:

a. Thường xuyên làm việc ở tư thế ngồi trong suốt ca làm việc.

b. Bàn làm việc hoặc vị trí thao tác phải cao hơn khuỷu tay.

c. Có chỗ duỗi cẳng chân dễ dàng thoải mái; tránh cử động liên tục lặp lại của các ngón tay.

d. Ghế ngồi không cần chỗ tựa lưng và phải có cần điều chỉnh cao, thấp phù hợp với từng người.

Câu 40: Để thực hiện được nghĩa vụ của người lao động đối với việc bảo đảm an toàn lao động, người công nhân cần chú ý thực hiện những điều gì:

a. Phải học tập, tự tìm hiểu và rèn luyện trong thực tế để tự trang bị cho mình những kiến thức cần thiết về chuyên môn và AT/VSLĐ phù hợp với công việc.

b. Phải tự giác xây dựng ý thức chấp hành đúng nội quy, quy trình lao động. Nói đúng, thực hiện đúng, phản ứng đúng/ phải trở thành tập quán.

c. Phải cẩn thận, chắc chắn... khi tiến hành công việc.

d. Cả a, b và c.

Câu 41: Để thực hiện được nghĩa vụ của người lao động đối với việc bảo đảm an toàn lao động, người công nhân cần chú ý thực hiện những điều gì:

a. Khi còn nghi ngờ hoặc chưa nắm vững cách sử dụng thiết bị, hoặc chưa hiểu rõ quy trình thì phải hỏi người giao công việc cho mình.

b. Khi chưa nắm chắc công việc thì không được làm mà phải hỏi lại cho kỹ lưỡng, nên tập thao tác cho thuần thục rồi mới được làm.

c. Tuyệt đối không tự ý đến gần các thiết bị, khu vực nguy hiểm...; hoặc tiến hành các công việc có yếu tố nguy hiểm khi chưa được giao nhiệm vụ.

d. Cả a, b và c.

Câu 42: Hãy nêu các yếu tố nguy hiểm có nguy cơ gây tai nạn lao động khi sử dụng thiết bị nâng:

a. Do sập cần nâng tải hoặc dầm nâng tải.

b. Do xảy ra tai nạn điện trong quá trình vận hành thiết bị.

c. Nguy cơ cháy, nổ cơ học ở những máy nâng có thiết bị chịu áp lực.

d. Cả a, b và c.

Câu 43. Kiểm soát yếu tố nguy hiểm, người sử dụng lao động có trách nhiệm gì ? sau đây:

a. Kiểm tra đánh giá các yếu tố nguy hiểm; đề ra các biện pháp loại trừ các mối nguy hiểm và cải thiện điều kiện lao động.

b. Tổ chức đo lường các yếu tố có hại ít nhất một lần trong một năm .

c. Xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và tổ chức đội cấp cứu tại chỗ theo quy định pháp luật

a và c

Câu 44. Khi làm việc trên cao, nơi cheo leo hoặc nơi dễ bị nguy hiểm, công nhân bị cấm hoặc không được thực hiện quy định nào? sau đây:

a, Cấm uống rượu, bia trước và trong quá trình làm việc

- b. Cấm vứt, ném các loại dụng cụ, đồ nghề hoặc bất kì vật gì từ trên cao xuống.
- c. Không được đi dép lê hay đi guốc và phải mặc quần áo gọn gàng.

Câu 45. Khi làm việc từ độ cao 2m trở lên hoặc chưa đến độ cao đó nhưng dưới chỗ làm việc có các vật chướng ngại nguy hiểm, nếu không làm được sản thao tác có lan can an toàn thì người sử dụng lao động phải làm gì? sau đây:

- a. Không được thi công cùng một lúc ở hai hoặc nhiều tầng trên một phương thẳng đứng nếu không có lưới bảo vệ để bảo vệ an toàn cho người làm việc ở dưới
- b. Phải trang bị dây an toàn cho công nhân. Không cho phép công nhân làm việc khi chưa đeo dây an toàn.
- c. Cán bộ kĩ thuật thi công phải hướng dẫn cách móc dây an toàn cho công nhân.

a, b và c

Câu 46. Làm việc dưới các giếng sâu, hầm ngầm, trong các thùng kín cần phải đáp ứng yêu cầu gì? sau đây:

- a. Phải có đủ biện pháp và phương tiện để phòng khí độc hoặc sập lở.
- b. Trước và trong quá trình làm việc phải có chế độ kiểm tra chặt chẽ và có người trực bên ngoài nhằm bảo đảm liên lạc thường xuyên giữa bên trong và bên ngoài
- c. Xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp và kịp thời cấp cứu khi xảy ra tai nạn.

a, b và c

Câu 47. Mạng lưới điện thi công trên công trường phải đảm bảo yêu cầu nào? sau đây:

- a. Có sơ đồ mạng điện, có cầu dao chung và các cầu dao phân đoạn để có thể cắt điện toàn bộ hay từng khu vực công trình khi cần thiết.
- b. Điện động lực và điện chiếu sáng phải làm hai hệ thống riêng.
- c. Các phần dẫn điện trần của các thiết bị điện dây dẫn, thanh dẫn, tiếp điểm của cầu dao, cầu chảy, các cực của máy điện và dụng cụ điện . . . phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện hoặc đặt ở độ cao đảm bảo an toàn và thuận tiện cho việc thao tác.
- d. Các đầu dây dẫn, cáp hở phải được cách điện, bọc kín, hoặc treo cao.

a, b, c và d

Câu 48. Các dây dẫn phục vụ thi công ở từng khu vực công trình phải đảm bảo yêu cầu nào? sau đây:

a. Là dây có bọc cách điện. Các dây đó phải mắc trên cột hoặc giá đỡ chắc chắn và ở độ cao ít nhất là 2,5m đối với mặt bằng thi công và 5,0m đối với nơi có xe cộ qua lại.

b. Các dây dẫn điện có độ, cao dưới 2,5m kể từ mặt nền hoặc mặt sàn thao tác phải dùng dây cáp bọc cao su cách điện.

c. Cấm để chà xát cáp điện trên mặt bằng hoặc để xe cộ chèo qua lại hay các kết cấu khác đè lên cáp dẫn điện.

[a, b và c](#)

Câu 49. Khi vận hành cần trục, công nhân vận hành phải tuân thủ quy định nào? sau đây:

a. Trước khi cần trục di chuyển dọc theo đường đi của nó cần phải có tín hiệu cảnh báo (chuông hoặc còi cảnh báo) cho tất cả những người mà sự an toàn của họ có khả năng bị đe dọa.

b. Không được kéo lê các tải ở bên cạnh khi sử dụng chuyển động xoay hoặc nâng dây gây ra ảnh hưởng xấu tới sự ổn định của cần trục

c. Nâng tải vượt quá tải trọng nâng cho phép của cần trục.

d. Không được sử dụng các cơ cấu an toàn của cần trục làm phương tiện để dừng thường xuyên các chuyển động

[a, b, c và d](#)

Câu 50. Khi sử dụng cần trục người sử dụng lao động phải đảm bảo yêu cầu an toàn nào? sau đây:

a. Phải có thông tin đầy đủ như các hướng dẫn của nhà sản xuất

b. Tất cả các thiết bị an toàn đang hoạt động thích hợp

c. Có các biện pháp cách ly tất cả các nguồn nguy hiểm tạo ra sự an toàn cho cần trục

d. Chỉ cho phép người được đào tạo thích hợp, có trình độ tay nghề, đã được huấn luyện, kiểm tra sát hạch về an toàn vệ sinh lao động và có thẻ an toàn, mới được vận hành cần trục

[Cả a, b, c và d](#)